

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10 – 11 – 2021
V/v “Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thủy.
2. Ông Phan Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:60/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số:01/TB-TA ngày 27/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số:43/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2021.

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 00, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Bá PH, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 00, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 03/3/2021, Biên bản phiên họp ngày 18/5/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:*

Chị Nguyễn Thị P và Anh Trần Bá PH do quen biết, tìm hiểu nên được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2001. Nhưng không đăng ký kết hôn. Việc anh chị chung sống với nhau là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Trong thời gian chị Nguyễn Thị P và Anh Trần Bá PH chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Anh chị cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Hiện nay, chị P không còn tình cảm với Anh PH.

Nay chị Nguyễn Thị P yêu cầu ly hôn với Anh Trần Bá PH.

+ *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị P và Anh Trần Bá PH có một con chung là Trần Long PO, sinh ngày 26/4/2002. Hiện nay Trần Long PO đã trưởng thành, tự lao động tạo ra thu nhập riêng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản chung:* Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung:* Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Anh Trần Bá PH không có ý kiến trình bày.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

-Về việc giải quyết vụ án: áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P.

+Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị P và Anh Trần Bá PH.

+ Về con chung: có một con chung là Trần Long PO, sinh ngày 26/4/2002. Hiện nay Trần Long PO đã trưởng thành, tự lao động tạo ra thu nhập riêng, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ *Về tài sản chung, nợ chung:* Không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện; Trích lục khai sinh và giấy chứng minh nhân dân của Trần Long PO; Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị Nguyễn Thị P; Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án; Đơn xin xét xử vắng mặt; Biên bản xác minh và Công văn trả lời của Ủy ban nhân dân xã 2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trần Bá PH cư trú tại số 28/B, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị P vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị P là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 01 tháng 9 năm 2021 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 01/TB-TA ngày 27/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2021 vụ án được xét xử vào lúc 14 giờ 00 ngày 10 tháng 11 năm 2021, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Anh Trần Bá PH là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và Anh Trần Bá PH do quen biết, tìm hiểu nhau nên chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2001, nhưng không đăng ký kết hôn.

Xét thấy, chị Nguyễn Thị P và Anh Trần Bá PH sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2001, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm vào Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Vì vậy, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị P và Anh Trần Bá PH là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, Trần Long PO, sinh ngày 26/4/2002. Hiện nay đã trưởng thành, tự lao động tạo ra thu nhập riêng, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị P xác định chị và Anh Trần Bá PH không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng không có ý kiến của Anh Trần Bá PH, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị P và Anh Trần Bá PH.

- Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0011131 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Nguyễn Thị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Bá PH không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã 2
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Nguyễn Thị Kim Trinh